TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **52/2023/DS-ST**
Ngày: 31-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tiến.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Ngọc Hân
2. Ông Trần Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 265/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* ông **Trần Văn N**, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp Đ, xã A, huyện Mang Thích, tỉnh Vĩnh Long.

* *Bị đơn:* **Phạm Hoàng P**, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2022 và tại biên bản hòa giải ngày 27/3/2023 nguyên đơn ông Trần Văn N trình bày:

Từ năm 2017 đến năm 2021 ông có bán gạch xây dựng cho ông Phạm Hoàng P để xây dựng công trình, đến ngày 03/7/2021 ông P còn nợ ông số tiền 290.621.000đ. Ngày 12/7/2021 ông P có ứng trả số tiền 20.000.000đ, còn lại 270.621.000đ. Nhiều lần ông đòi nhưng ông P hẹn lần lựa không trả. Nay ông yêu cầu ông P phải trả cho ông số tiền còn thiếu là 270.621.000đ và tiền lãi là 17 tháng lãi suất 0,83% là 38.1840.000đ. Tổng cộng yêu cầu ông P phải trả cho ông là 308.805.000đ. Tại Tòa ông N xác định chỉ kiện ông P, không kiện vợ ông P cùng trách nhiện liên đới vì ông được biết ông P và vợ đã ly hôn.

***** *Tại biên bản hòa giải ngày 27/3/2023 bị đơn ông Phạm Hoàng P có lời trình bày:*

Ông thừa nhận có ký tên vào hóa đơn xác nhận nợ tiền gạch của anh N vào ngày 03/7/2021 với số tiền 290.621.000đ, trong hóa đơn ông còn ghi là sẽ đối chiếu lại. Đến cuối năm 2021 ông có chuyển khoản trả cho anh N số tiền 50.000.000đ, xem như ông còn thiếu lại 240.621.000đ

Do dịch bệnh ông không làm ăn được nên dỡ nợ, ông đã bán hết tài sản để trang trãi nợ, hiện không còn tai sản gì, giờ ông phải đi làm công nên không có tiền trả cho anh N một lần. Ông yêu cầu được trả vốn và trả dần mỗi tháng 5.000.000đ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Trần Văn N đối với ông Phạm Hoàng P thì vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng mua bán*". Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Phạm Hoàng P cư trú tại ấp P, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bị đơn ông Phạm Hoàng P được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông Phạm Hoàng P là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: đây là vụ kiện tranh chấp đòi tiền còn thiếu trong hợp đồng mua bán giữa ông Trần Văn N và ông Phạm Hoàng P. Hợp đồng này có làm giấy nhận nợ ngày 29/4/2021 và xác nhận nợ ngày 3/7/2021 số tiền 290.621.000đ. Ngày 12/7/2021 ông P có ứng trả cho ông N số tiền 20.000.000đ, xem như số tiền còn nợ lại là 270.621.000đ. Ông P thừa nhận có ký nhận nợ ngày 03/7/2021 số tiền 290.621.000đ. Sau đó ông P cho rằng cuối năm 2021 có chuyển khoản trả cho ông N số tiền 50.000.000đ nhưng ông P không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Hóa đơn xác nhận nợ ngày 03/7/2021 ông P có ghi là ***số chính thức đối chiếu lại*** nhưng hai bên vẫn không gặp nhau để đối chiếu nên không có chứng cứ khác. Qua hóa đơn

này thấy rằng ông P đã sử dụng hết quyền nhận tài sản nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ông N khởi kiện ông P vi phạm hợp đồng là có cơ sở nên được chấp nhận. Vì vậy phải buộc ông P thực hiện nghĩa vụ trả cho ông N số tiền 270.621.000 đồng là hoàn toàn đúng pháp luật. Tại phiên tòa ông N không yêu cầu ông P trả lãi nên được ghi nhận.

Ông P xin được trả dần số tiền nêu trên nhưng ông N không đồng ý. Xét thấy đây là giai đoạn thi hành án, nên HĐXX không xét đến.

[4] Về án phí: do yêu cầu của ông N được chấp nhận nên ông P phải chịu án phí theo Nghị quyết số: 326/2016/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể:

Số tiền 270.621.000đ X 5% = 13.531.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 430, 434, 440 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N đối với ông Phạm Hoàng P.

2. Buộc ông Phạm Hoàng P có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn N số tiền 270.621.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu sáu trăm hai mươi mốt ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: ông Phạm Hoàng P phải nộp số tiền là 13.531.000đ (mười ba triệu năm trăm ba mươi mốt ngàn) đồng.

Hoàn trả số tiền 8.290.000đ (tám triệu hai trăm chín mươi ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí cho ông Trần Văn N theo biên lai thu số 0010724 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niên yết, tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a , 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trương Thị Tiến